BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2010

Đơn vị tính:VNĐ

	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Này	
			Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***902.819.485.837***	***955.711.514.447***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***		***(268.906.770.913)***	***(488.132.881.362)***
-	Khấu hao tài sản cố định	02	22.079.250.763	19.171.072.970
-	Các khoản lập dự phòng	03	185.985.595.550	(200.391.716.379)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
-	Lãi lỗ hoạt động đầu tư	05	(541.749.415.450)	(344.021.621.733)
-	Chi phí lãi vay	06	64.777.798.224	37.109.383.779
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động***	***08***	***633.912.714.924***	***467.578.633.085***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(520.433.692.386)	(352.684.398.696)
-	Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn	10	(1.207.906.296.852)	(948.205.475.039)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(562.771.659.083)	670.390.239.892
-	Tăng giảm chi phí trả trước	12	(33.486.758.656)	(684.888.508)
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(30.372.378.398)	(61.363.069.931)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(230.330.622.825)	(129.768.923.112)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	20.900.000	2.478.260.000
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(41.881.240.175)	(56.248.253.430)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(1.993.249.033.451)***	***(408.507.875.740)***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1.	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khá	21	(69.145.751.017)	(21.598.623.229)
2.	Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài han khác	22	4.953.545.455	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(49.273.190.684)	(319.053.256.381)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	26	20.808.931.503	893.810.436.429
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	27	(652.820.981.370)	(567.726.396.888)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	28	1.164.542.233.334	1.113.965.753.107
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	29	151.333.746.803	271.056.901.643
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***570.398.534.024***	***1.370.454.814.681***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
1.	Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	963.585.000	219.606.045.000
2.	Nhận góp vốn từ cổ đông thiểu số		72.000.000.000	-
3.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(2.775.000.000)	(31.940.761.891)
4.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận	33	2.000.000.000.000	110.000.000.000
5.	Trả lại vốn ủy thác cho người ủy thác đầu tư	34	-	(110.000.000.000)
6.	Tiền chi trả nợ gốc vay	35	-	(110.000.000.000)
7.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	36	-	-
8	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	37	(328.127.562.750)	(595.560.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***1.742.061.022.250***	***77.069.723.109***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**319.210.522.825**	**1.039.016.662.050**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**2.650.001.084.717**	**1.610.984.422.667**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**2.969.211.607.542**	**2.650.001.084.717**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2011

Người Lập Biểu	Kế Toán Trưởng	P. Tổng Giám Đốc
Đoàn Thị Thu Giang	Hoàng Thị Minh Thủy	Nguyễn Hồng Nam